



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Ngày 30/09/2025	13,750 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	-1.8%	-6.1%

DT thuần Q3/25
329
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 132 67.2%
YoY: ▲ 151 85.0%

LN thuần Q3/25
30.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.6 204%
YoY: ▲ 5.60 22.3%

LN sau thuế Q3/25
24.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.3 195%
YoY: ▲ 4.80 24.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
12.1%
YoY: +/-▲ 1.3%

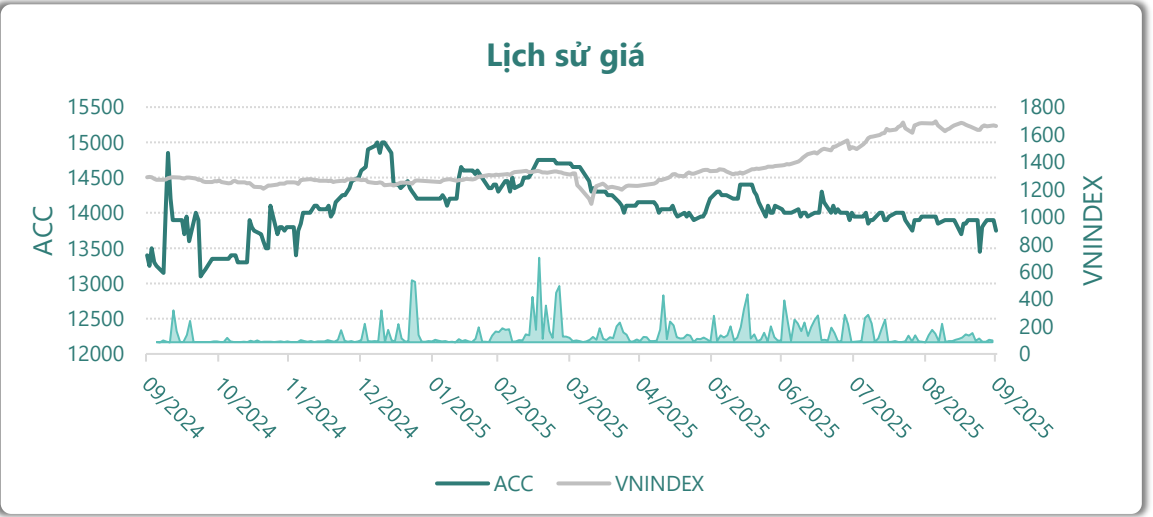
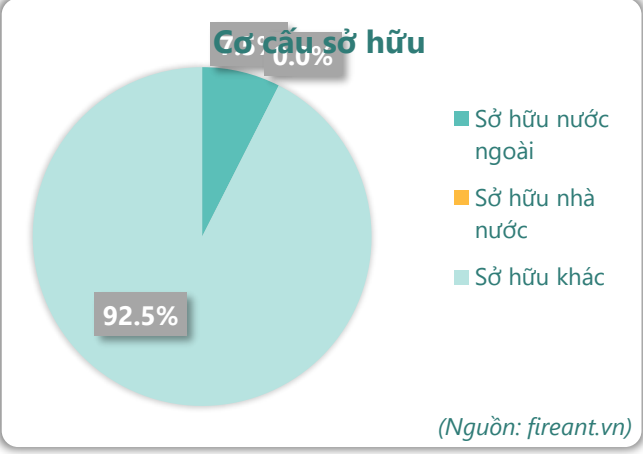
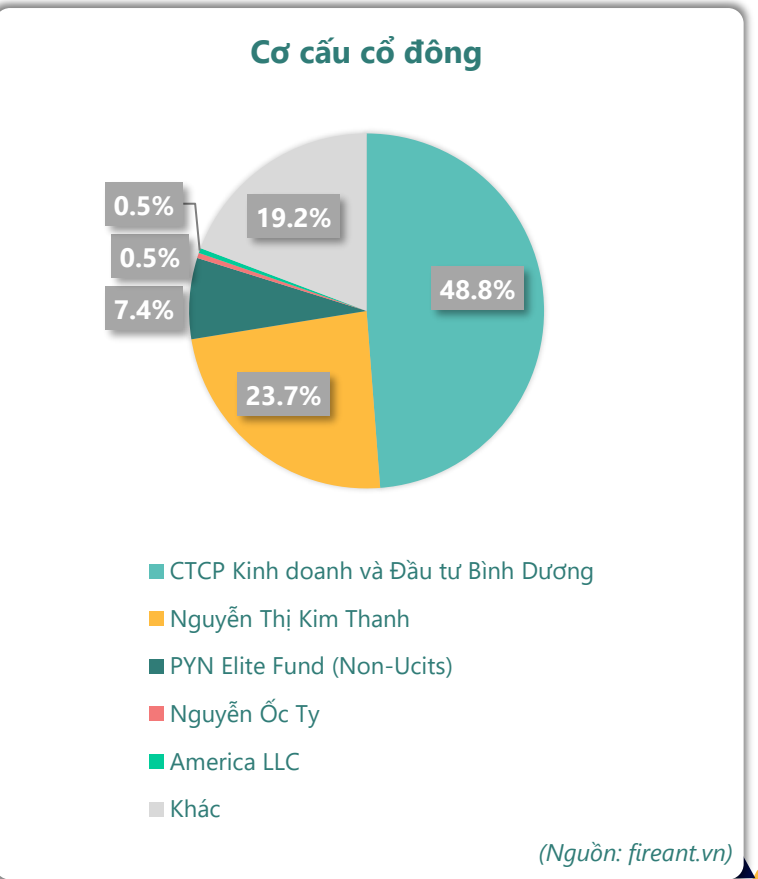
ROE (TTM) Q3/25
4.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,100 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,660
Sở hữu nước ngoài	7.5%
Beta	
EPS	
P/E	

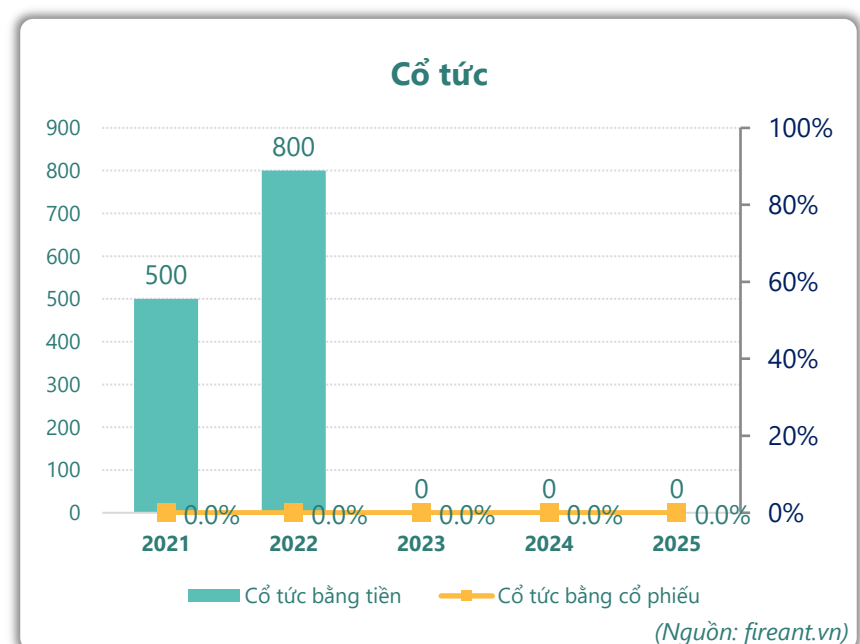
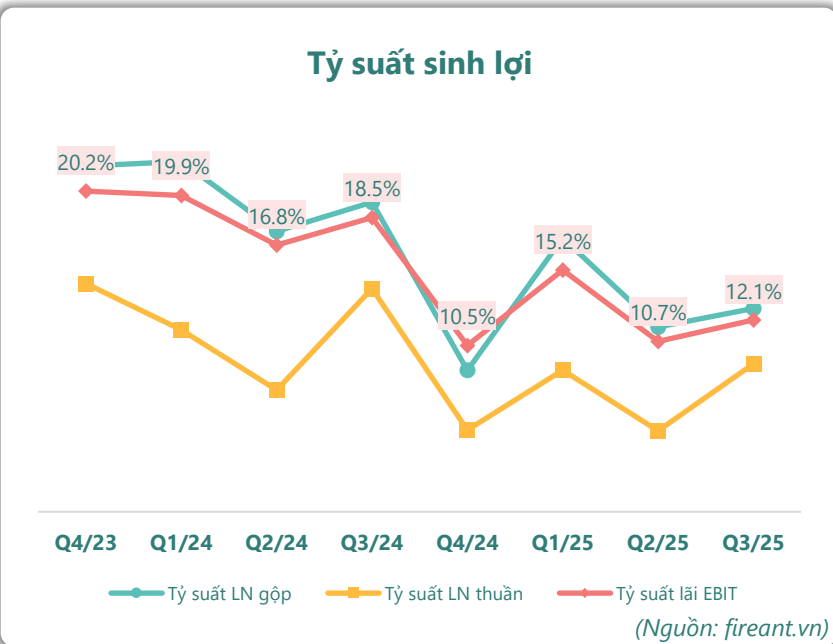
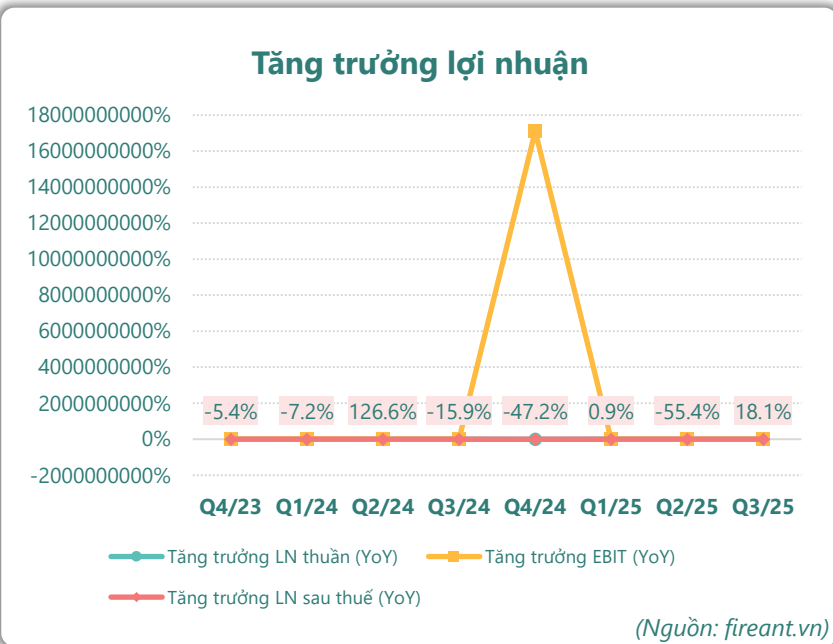
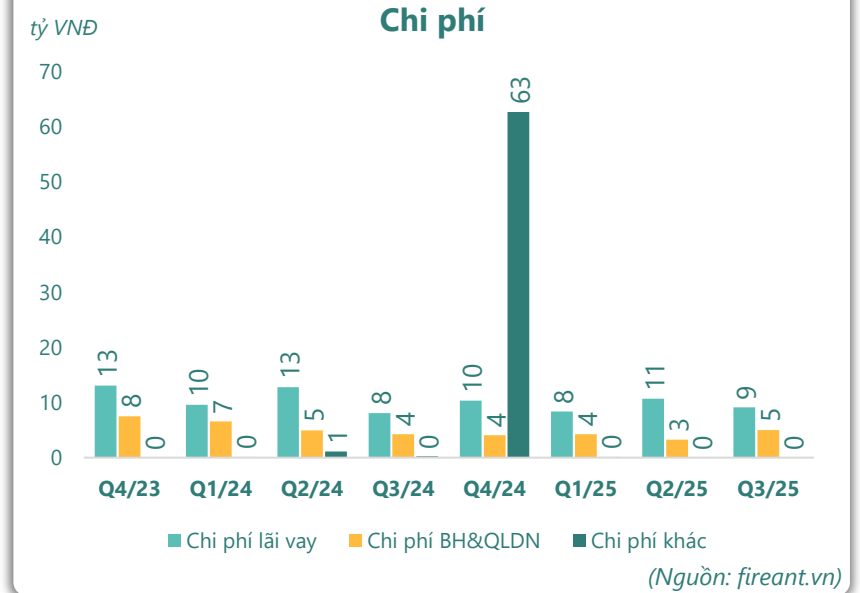
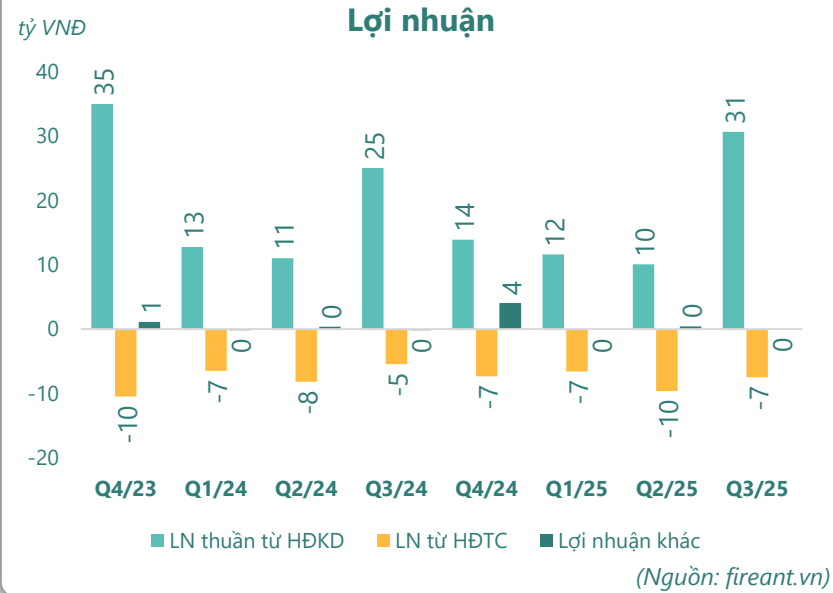
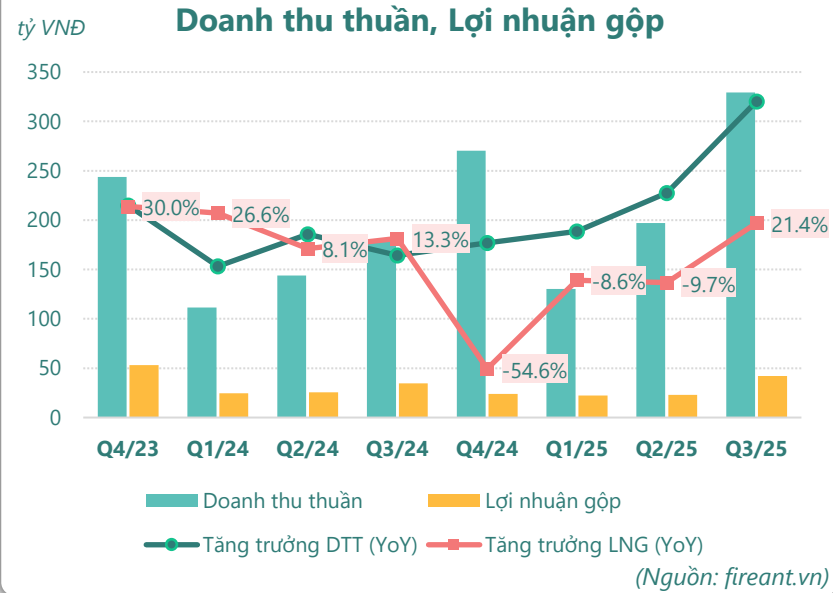
DT thuần 9T 2025
657
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 223 51.5%

LN thuần 9T 2025
52.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.50 7.2%

LN sau thuế 9T 2025
42.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.60 12.1%



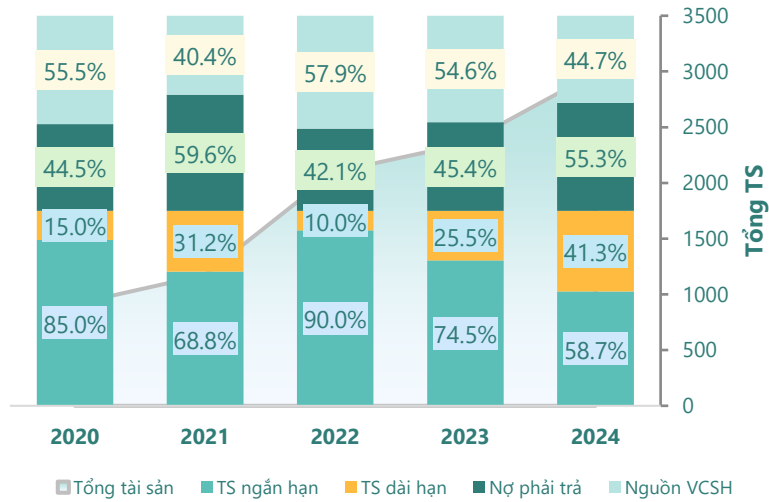
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

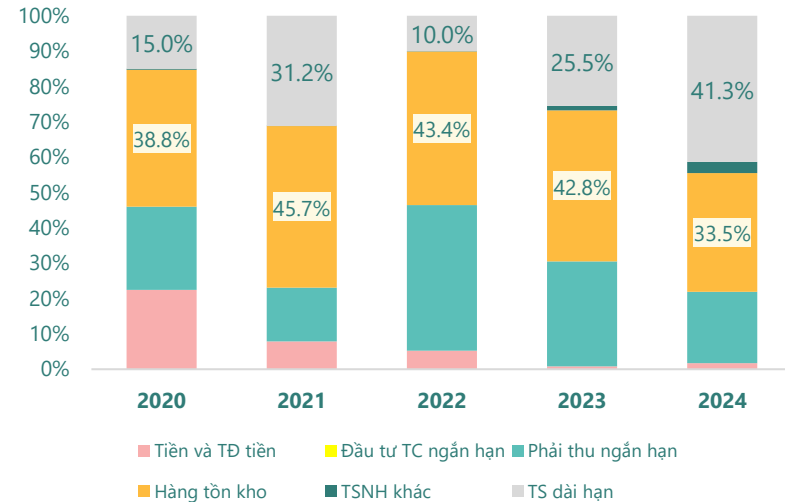
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

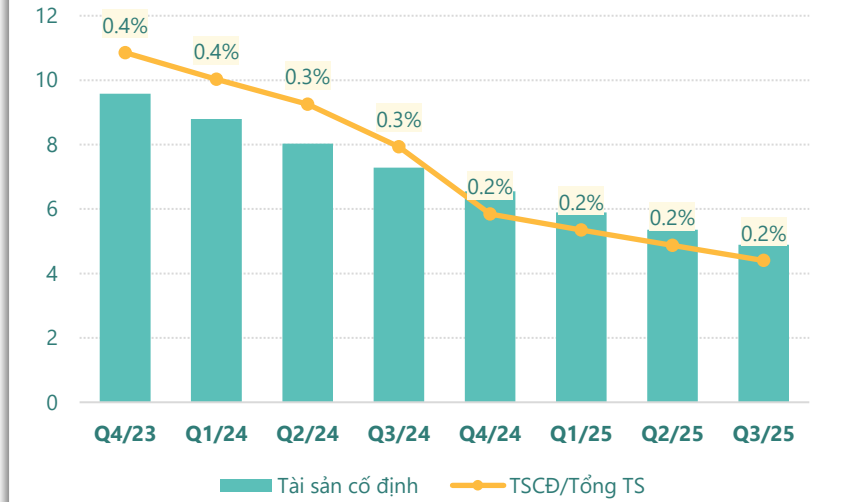
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

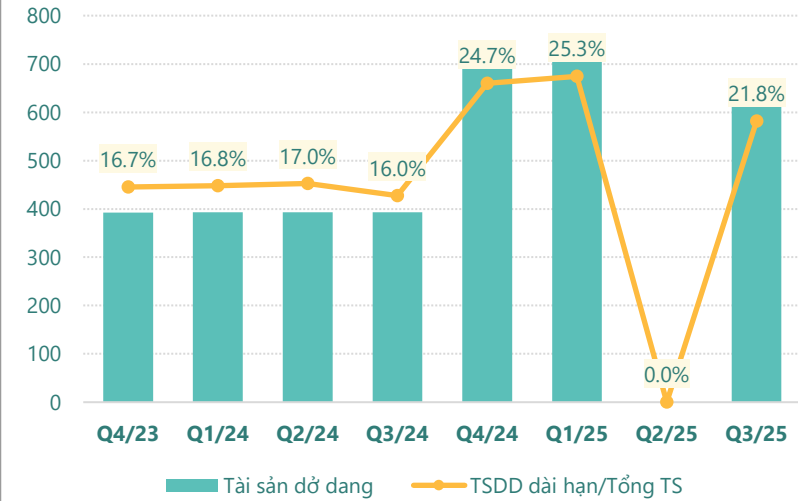
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

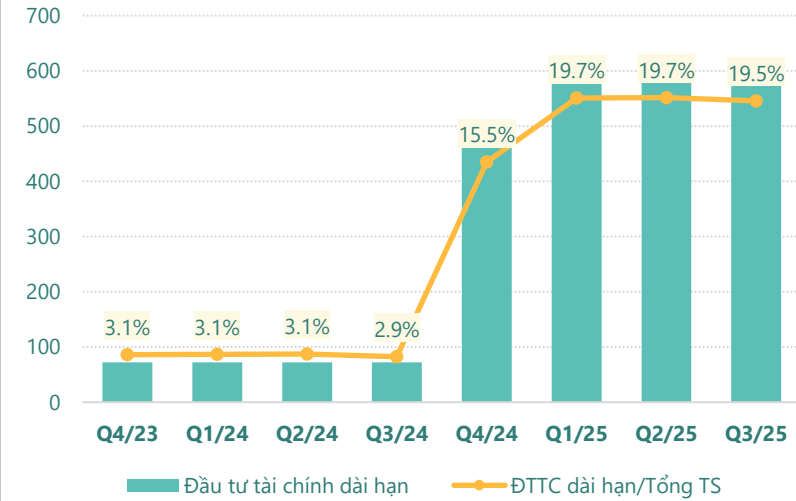
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

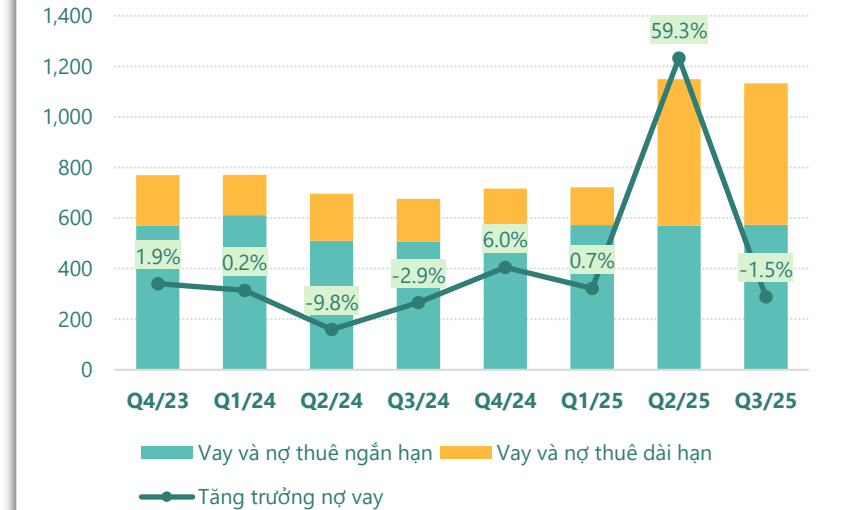
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

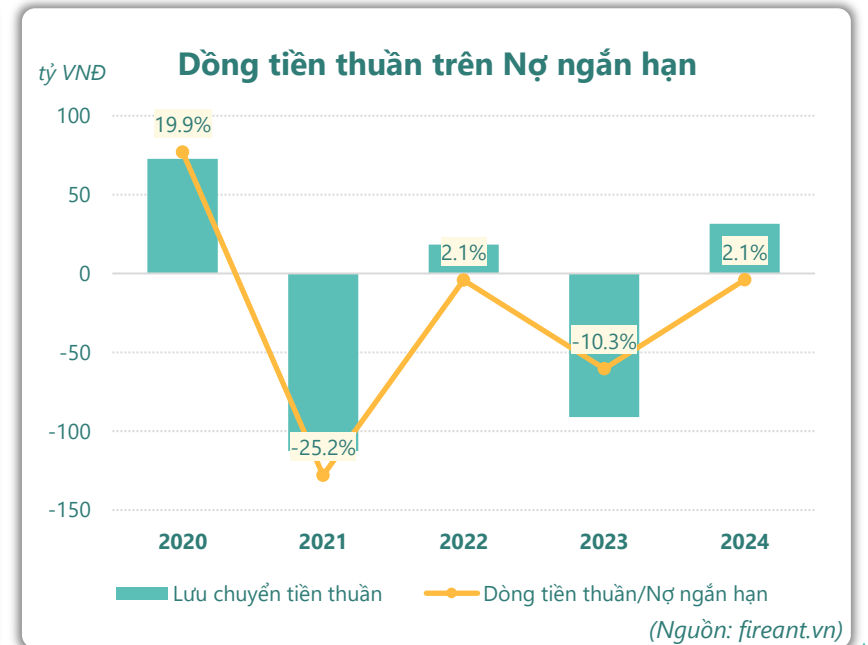
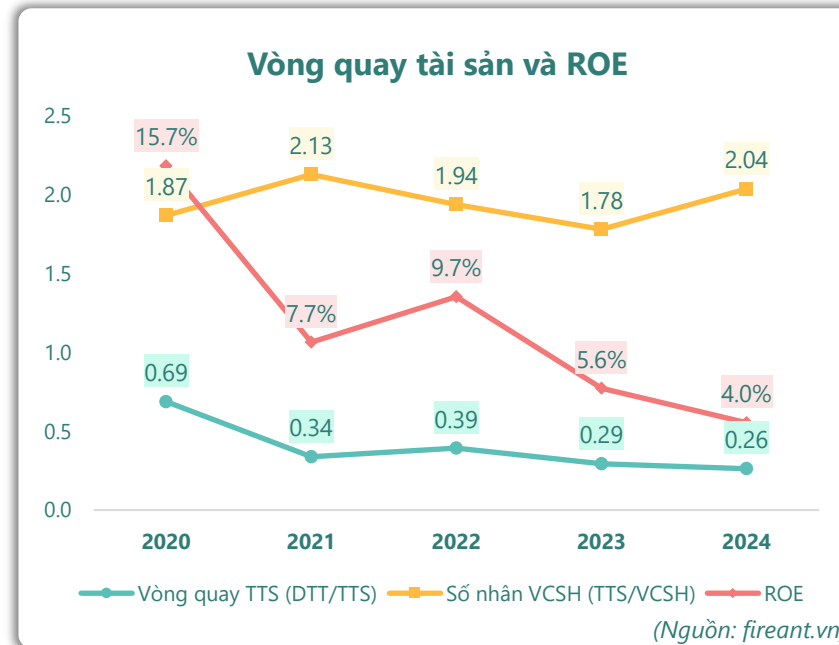
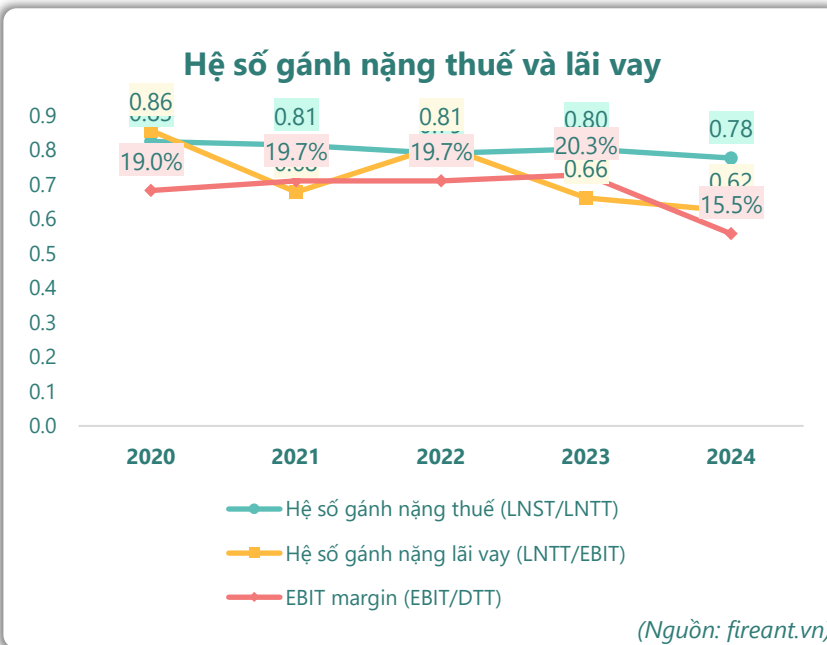
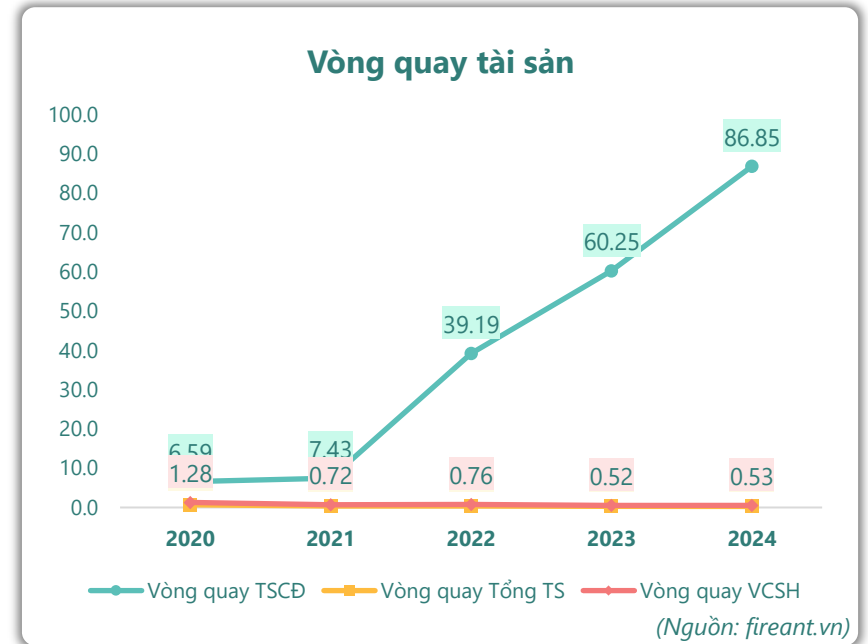
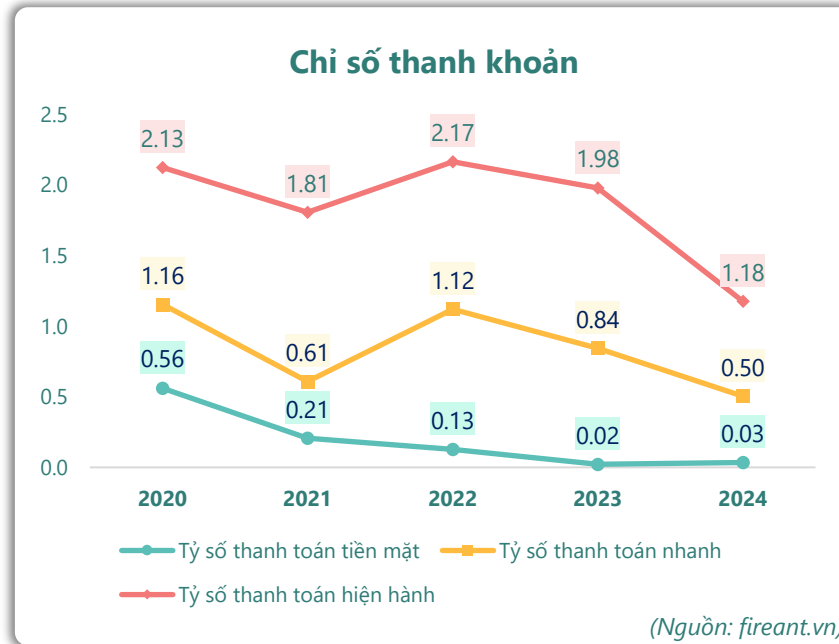
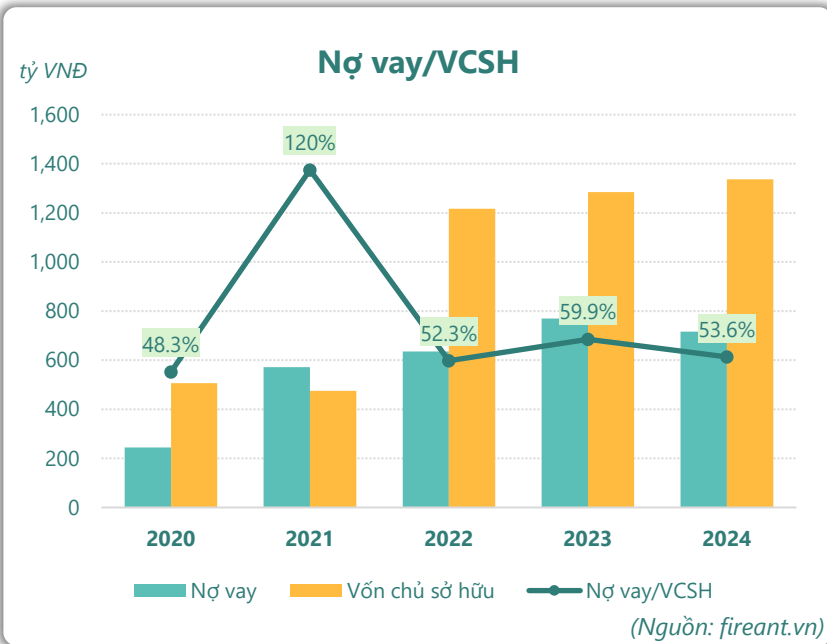
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	329	178	85.0%	657	434	51.5%
Giá vốn hàng bán	287	144	99.4%	569	349	63.2%
Lợi nhuận gộp	42.2	34.8	21.3%	87.6	84.8	3.4%
Doanh thu HĐTC	1.61	2.66	-39.3%	4.41	10.3	-57.3%
Chi phí TC	9.11	8.11	12.3%	28.1	30.5	-7.6%
Chi phí lãi vay	9.11	8.11	12.3%	28.1	30.5	-7.6%
LN trong công ty LKLD	1.00	0.00		1.00	0	
Chi phí bán hàng	1.97	1.03	91.2%	4.74	6.07	-21.9%
Chi phí QLDN	3.03	3.22	-5.8%	7.77	9.70	-20.0%
LN thuần từ HĐKD	30.7	25.1	22.3%	52.4	48.9	7.2%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.15	81.2%	0.27	0.08	253%
LN trước thuế	30.7	24.9	23.2%	52.7	49.0	7.5%
Lợi nhuận sau thuế	24.7	19.9	24.3%	42.3	37.7	12.1%
LNST của CĐ cty mẹ	24.6	19.9	23.4%	41.7	37.6	10.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.0	36.9	301	-21.3	-402	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	44.8	-0.28	-325	35.6	-56.2	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-75.4	-20.2	40.8	4.88	428	0
Tiền đầu kỳ	22.3	17.7	34.2	50.8	70.0	0
Lưu chuyển tiền thuần	-4.64	16.5	16.7	19.1	-30.8	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.7	34.2	50.8	70.0	39.1	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,967	2,987	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,713	1,753	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	19.8	50.8	-61.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	626	604	3.6%
Hàng tồn kho	993	1,002	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	74.1	95.9	-22.7%
Tài sản dài hạn	1,254	1,235	1.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.89	6.54	-25.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	647	740	-12.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	23.6	24.5	-3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,589	1,651	-3.8%
Nợ ngắn hạn	1,018	1,490	-31.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	573	565	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	346	797	-56.5%
Nợ dài hạn	570	161	254%
Vay và nợ thuê dài hạn	559	152	268%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,378	1,337	3.1%
Vốn chủ sở hữu	1,378	1,337	3.1%
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

